

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công T.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Trọng Pháo; 2. Ông Lê Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Lô Thị M - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát Viên.

Vào ngày 10/7/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX-TA, ngày 21 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/HSST-QĐ ngày 05/07/2018 đối với các bị cáo:

1. Cao Văn Ch; Sinh ngày 03 tháng 3 năm 1983 tại xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Làng Mải, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Con ông: Cao Văn Th và bà Lê Thị Th1; Có vợ tên là: Hà Thị Th2 và có 04 con nhỏ, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: 01, ngày 24/7/2017 bị Công an huyện Như Xuân xử phạt hành chính về hành vi mua các số lô, số đề theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định 167/2013 ngày 12/11/2013 của Chính phủ với số tiền 350.000 đồng; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn X; Sinh ngày 17/8/1976 tại xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Tân Sơn, xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 2/12; Con ông: Hà Xuân S và bà Vi Thị Th; Có vợ tên là: Vi Thị Ng và có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đình Đ; Sinh ngày 10/11/1961 tại xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Xuân Lương, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông: Lê Văn Đ1 và bà Lê Thị M; Có vợ tên là: Lê Thị D và có 04 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/3/2018 đến ngày 07/3/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Thái Th; Sinh ngày 08/6/1976 tại xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 3/12; Con ông: Lê Văn V và bà Nguyễn Thị H; Có vợ tên là: Hà Thị B và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Hà Văn T; Sinh ngày 14/4/1981 tại xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Tân Sơn, xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Hà Xuân S và bà Vi Thị Th; Có vợ tên là: Hà Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Hà Thị Th1; Sinh ngày 03/02/1983 tại xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 0/12; Con ông: Hà Văn Nh và bà Cẩm Thị D; Có chồng tên là: Lương Ngọc H và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Hà Thị Th – sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Trú tại: Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Hà Thị H – sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Trú tại: thôn Tân Sơn, xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 4 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Là người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn X và Hà Văn T (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Hương - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 4 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Là người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Th1 (Có mặt).

3. Ông Lê Bá Mai - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 5 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Là người bào chữa cho bị cáo Cao Văn Ch (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Hà Thị T – sinh năm: 1985; (Vắng mặt)

Trú tại: Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Hà Thị Th – sinh 1962; (Vắng mặt)

Trú tại: Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/3/2018, Cao Văn Ch, Lê Thái Th, Hà Thị Th1, Lê Đình Đ, Hà Văn X và Hà Văn T gặp nhau tại đám cưới nhà ông Bùi Văn Tuyết ở thôn Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân thì nảy sinh ý định đánh bạc nên cả sáu người rủ nhau đi đến khu lán bỏ hoang trên đồi trồng keo của anh Bùi Văn M thuộc thôn Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân. Tại đây, Cao Văn Ch đã nhặt được hai quân vị từ vỏ bao thuốc lá và cắt thêm hai quân vị nữa, các quân vị có hai mặt, một mặt trắng một mặt vàng, sau đó lấy một cái bát và một cái đĩa sứ có sẵn trong lán để làm dụng cụ đánh bạc. Ch là người cầm cái xóc bộ bát đĩa bên trong có bốn quân vị, xóc xong, những người tham gia đánh bạc gồm Lê Thái Th, Hà Thị Th1, Lê Đình Đ, Hà Văn X, Hà Văn T sẽ đặt tiền theo “cửa chắn” hoặc “cửa lẻ”, số tiền đặt cửa cao nhất là 50.000đ; Sau đó Ch sẽ mở bát để so sánh sự sắp ngửa của các quân vị, nếu một quân vị có màu khác với màu của ba quân vị còn lại thì “về cửa lẻ”, nếu hai quân vị cùng màu và khác màu với hai quân vị còn lại thì “về cửa chắn”; nếu cửa về trùng với cửa mà người tham gia đánh bạc đã đặt thì Ch phải trả tiền cho người đó bằng với số tiền mà người đó đã đặt cửa, nếu cửa về mà không trùng với cửa mà người tham gia đánh bạc đã đặt thì Ch được lấy tiền của người đó. Trong khi các đối tượng trên đang tham gia đánh bạc thì có chị Hà Thị T, Hà Thị Th, Hà Thị H, Hà Thị Th đến xem. Đến 15 giờ 15 cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc, tổ công tác đội Cảnh sát ĐTTP về TTXH Công an huyện Như Xuân tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, lập biên bản và thu giữ các vật chứng và tiền liên quan việc đánh bạc. Quá trình vây bắt các đối tượng đã bỏ chạy thoát khỏi vị trí đánh bạc, tổ công tác tiến hành truy đuổi và bắt giữ được: Lê Đình Đ, Hà Thị T, Hà Thị Th và Hà Thị H. Còn Cao Văn Ch, Hà Thị Th1, Lê Thái Th, Hà Văn T và Hà Văn X đã bỏ chạy thoát. Tang vật thu giữ tại hiện trường các đối tượng đánh bạc gồm: 01 đĩa sứ màu trắng phía trên có hình bông hoa, 01 bát sứ màu trắng và số tiền 5.400.000đ; Kiểm tra, thu giữ ở ông quần bên trái của Lê Đình Đ có số tiền là 1.050.000đ.

Ngày 06/03/2018 và 07/3/2018, Các đối tượng Cao Văn Ch, Lê Thái Th, Hà Văn T và Hà Văn X đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đầu thú về hành vi đánh bạc của mình. Ngày 26/03/2018, đối tượng Hà Thị Th1 đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đầu thú về hành vi phạm tội đánh bạc của mình.

Quá trình điều tra xác định, khi Cơ quan công an tiến hành kiểm tra, bắt quả tang hành vi đánh bạc của sáu đối tượng nêu trên, do sợ hãi nên Hà Thị Th đã bỏ chạy và rơi số tiền 1.100.000đ tại chiếu bạc (trong số tiền 5.400.000đ Cơ quan công an thu giữ có số tiền 1.100.000đ của Hà Thị Th), số tiền này do Th vay của anh trai là Hà Công D (sinh 1977, trú tại thôn Làng Mải, xã Bình Lương, huyện Như Xuân) mà có. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác M, làm rõ, anh Hà Công D đã xác nhận số tiền 1.100.000 đồng là do anh D cho chị Th vay vào ngày 04/5/2018 để giải quyết việc gia đình. Do đó, số tiền này là tiền cá nhân của chị Th, không liên quan đến việc đánh bạc. Như vậy, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc mà cơ quan điều tra thu giữ được tại hiện trường tổng cộng là 5.350.000đ.

Quá trình điều tra các bị cáo khai báo: Khi tham gia đánh bạc Cao Văn Ch mang theo 1.650.000đ và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy thì Ch còn 500.000đ và đã bỏ lại tại vị trí đánh bạc; Lê Đình Đ có mang theo 1.100.000đ và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt quả tang thì Đ còn 1.050.000đ để ở trong ống quần bên trái; Lê Thái Th có mang theo 1.000.000đ và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy Th còn 800.000đ và đã bỏ lại tại vị trí đánh bạc; Hà Văn T có mang theo 800.000đ và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy T còn khoảng 600.000đ và đã bỏ lại tại vị trí đánh bạc; Hà Văn X có mang theo 1.100.000đ và sử dụng hết số tiền này vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy X đã bỏ lại số tiền còn lại tại vị trí đánh bạc; Hà Thị Th1 có mang theo 400.000đ và sử dụng hết số tiền vào mục đích đánh bạc, khi bỏ chạy Th1 còn khoảng 100.000đ và đã bỏ lại tại vị trí đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Cao Văn Ch, Lê Đình Đ, Lê Thái Th, Hà Văn T, Hà Văn X và Hà Thị Th1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra, xác M, thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-KSĐT-TA ngày 01/6/2018 của Viện trưởng VKSND huyện Như Xuân, Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Cao Văn Ch, Lê Đình Đ, Lê Thái Th, Hà Văn T, Hà Văn X và Hà Thị Th1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, u khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Cao Văn Ch từ 06 đến 12 tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Hà Văn X từ 06 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 24 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58 và Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Lê Đình Đ, Lê Thái Th và Hà Văn T từ 20.000.000^d đến 25.000.000^d.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; 58 và Điều 36 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Hà Thị Th1 từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung VKS đề nghị: Không áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo Cao Văn Ch và Hà Thị Th1; Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Hà Văn X. Phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để xung vào công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Văn X, Lê Đình Đ, Lê Thái Th và Hà Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí HSST. Miễn án phí HSST cho các bị cáo: Cao Văn Ch, Hà Thị Th1.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Cao Văn Ch đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét thêm về điều kiện sống của bị cáo ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, có xác nhận của UBND xã Bình Lương, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 để xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể, đồng thời miễn tiền phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo: Hà Văn X và Hà Văn Tuyên đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét thêm về điều kiện sống của các bị cáo ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Các Bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ cận nghèo, có xác nhận của UBND xã, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 để xử các bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể. Đồng thời, miễn tiền phạt bổ sung và án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo: Hà Thị Th1 đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Ngoài ra, còn đề nghị HĐXX xem xét thêm về nhân thân bị cáo là người không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, điều kiện sống của bị cáo ở vùng kinh tế xã

hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo, có xác nhận của UBND xã, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 để xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể, đồng thời miễn tiền phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, riêng bị cáo Lê Thái Thiên và Hà Thị Th1 đề nghị HĐXX xem xét điều kiện kinh tế khó khăn của gia đình để áp dụng hình phạt không phải là phạt tiền đối với các bị cáo, đảm bảo việc các bị cáo có thể thi hành hình phạt. Lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 05/03/2018, tại lán bỏ hoang trên đồi keo nhà ông Bùi Văn M thuộc thôn Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Cao Văn Ch, Lê Đình Đ, Lê Thái Th, Hà Văn X, Hà Văn T và Hà Thị Th1 đã cùng nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa thì bị bắt quả tang với tổng số tiền phục vụ cho đánh bạc là 5.350.000đ đồng đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự an toàn xã hội, làm tổn hại đến kinh tế gia đình, là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc trong vụ này là 5.350.000đ, đây là số tiền không lớn, chỉ hơn mức khởi điểm một chút. Hội đồng xét xử sẽ phân hóa trách nhiệm hình sự và đánh giá tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi mà các bị cáo gây ra.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Trong khi đi chơi, các bị cáo gặp nhau tại đám cưới và cùng thống nhất chơi bài ăn tiền với nhau. Trong đó, bị cáo Cao Văn Ch là những người có vai trò chính, khởi xướng các bị cáo khác cùng đánh bạc. Vì vậy, trong vụ án này bị cáo Cao Văn Ch phải chịu trách nhiệm chính và hình phạt phải nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác còn lại trong vụ án.

Các bị cáo còn lại trong vụ án này gồm Hà Văn X, Lê Đình Đ, Lê Thái Th, Hà Văn T và Hà Thị Th1 là những người cùng tham gia chơi, tuy số tiền mỗi bị cáo dùng đánh bạc khác nhau nhưng đều không lớn nên tùy từng bị cáo cụ thể, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức án phù hợp.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng:

Đối với tất cả các bị cáo trong vụ án, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay đều khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn, hối cải với lỗi lầm đã phạm nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Bị cáo Cao Văn Ch chưa có tiền án nhưng đang có 01 tiền sự về hành vi “ghi các số lô, số đề”, bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân thành công dân tốt mà vẫn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án lại là người giữ vai trò chính, tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo của địa phương, bị cáo đang nuôi 4 con nhỏ, vợ ốm đau bệnh tật, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Ch đã lập công chuộc tội, tích cực cung cấp thông tin, theo dõi và báo tin kịp thời giúp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân khám phá xử lý án, đấu tranh, truy bắt tội phạm mới có xác nhận của Trưởng công an huyện Như Xuân nên bị cáo Ch được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Các bị cáo Hà Văn X, Lê Đình Đ, Lê Thái Th, Hà Văn T và Hà Thị Th1 là những bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra, các bị cáo X, Th, T và Th1 sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú, bị cáo Lê Đình Đ khi bị tổ công tác Công an huyện Như Xuân tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thì Đ không bỏ trốn và bị cáo chỉ chơi có một lần nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo này đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng các hình phạt cho các bị cáo cải tạo tại cộng đồng hoặc phạt tiền cũng đủ răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về phần hình phạt bổ sung: Bị cáo Cao Văn Ch, Hà Văn X, Hà Văn T và Hà Thị Th1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo và cận nghèo ở địa phương nên HĐXX xét thấy cần thiết miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo bị phạt tiền là hình phạt chính thì HĐXX cũng không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về phần xử lý vật chứng: Các vật chứng gồm 01 đĩa sứ hình tròn, mặt trước có in hình bông hoa, mặt sau có in chữ nước ngoài; 01 bát hình tròn, mặt sau có in chữ Made in Vietnam là những vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu số tiền 5.350.000 đồng là vật chứng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc để sung vào công quỹ Nhà nước. Các vật chứng là tài sản hợp pháp của các bị cáo và người làm chứng thì trả lại cho các bị cáo và người làm chứng: Trả lại số tiền 1.100.000đ cho chị Hà Thị Th; Trả lại số tiền 150.000 đồng cho chị Hà Thị H. Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/06/2018 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với chị Hà Thị T (sinh 1985), Hà Thị Th (sinh 1983), Hà Thị Th (sinh 1962) đều trú tại thôn Làng Mài, xã Bình Lương huyện Như Xuân và chị Hà Thị H (sinh 1985, trú tại thôn Tân Sơn, xã Tân Bình, huyện Như Xuân) chỉ đứng xem, không tham gia đánh bạc và cũng không có hành vi giúp sức cho các bị cáo đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý với Hà Thị T, Hà Thị Th, Hà Thị H, Hà Thị Th là đúng theo quy định pháp luật.

- Đối với Vũ Đình T (sinh 1991, trú tại thôn Đức Thắng, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân). Quá trình điều tra, ban đầu Cao Văn Ch khai báo có anh T cùng tham gia đánh bạc với Ch, Đ, Th, T, X, Th1. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, làm rõ thì anh Vũ Đình T không thừa nhận là đã tham gia đánh bạc cùng với Ch và các đối tượng khác, các nhân chứng là khai nhận chỉ nhìn thấy anh T có mặt tại chiếu bạc, không nhìn thấy anh T đánh bạc. Ngày 04/04/2018, Cao Văn Ch thay đổi lời khai, khai lại là anh T không tham gia đánh bạc cùng vào ngày 05/3/2018 như trước kia Ch đã khai báo. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Cao Văn Ch và Vũ Đình T nhưng Ch không nhớ là anh T có đánh bạc vào ngày 05/03/2018. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi đánh bạc của Vũ Đình T. Hội đồng xét xử đề nghị và kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Bùi Văn M và chị Hà Thị V đều trú tại thôn Làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân (là chủ đôi keo có lán mà các đối tượng dùng để đánh bạc). Quá trình điều tra xác định, anh M đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương,

chị V ở nhà làm ăn sinh sống bình thường, ngày 05/03/2018 chị V đi làm đồng, không biết việc các đối tượng đánh bạc trên đồi nhà chị mà các đối tượng đã tự ý rủ nhau lên lán trên đồi keo nhà chị để đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí, miễn án phí cho các bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

T bố các bị cáo: Cao Văn Ch, Lê Đình Đ, Lê Thái Th, Hà Văn T, Hà Văn X và Hà Thị Th1 phạm tội “Đánh bạc”

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, u khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Cao Văn Ch từ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; 58 và Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Hà Văn X 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Văn X cho UBND xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Lê Đình Đ 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Lê Thái Th 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Hà Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án của Tòa án giao cho giám sát, giáo dục.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo: Hà Thị Th1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã Bình Lương, huyện Như

Xuân, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án của Tòa án giao cho giám sát, giáo dục.

Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ hình tròn, mặt trước có in hình bông hòa, mặt sau có in chữ nước ngoài; 01 bát hình tròn, mặt sau có in chữ Made in Vietnam; Tịch thu số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc 5.350.000đ (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước. Trả lại số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) cho chị Hà Thị Th; Trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Hà Thị H. Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/06/2018 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Thái Th phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí HSST. Miễn án phí HSST cho các bị cáo: Cao Văn Ch, Hà Thị Th1, Hà Văn T và Hà Văn X.

Trường hợp Bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người bị thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- THA dân sự huyện Như Xuân;
- Các bị cáo;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Những người bào chữa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn